| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**THÀNH PHỐ TRÀ VINH**<br>**TỈNH TRÀ VINH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 22/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 28/4/2023
V/v"Tranh chấp ly hôn, nuôi con "

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TRÀ VINH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Lâm Thị Kiều Trang

*Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Ông Cao Minh Sơn

2. Bà Thạch Thị Mỹ Kim

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Phạm An Bình- Thư ký Toà án nhân dân thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh*** *tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Mỹ Phượng, Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 4 năm 2023 tại phòng xử án Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 307/2022/TLST- HNGĐ ngày 03 tháng 11 năm 2022 về "Tranh chấp ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2023/QĐST-HNGĐ, ngày 11 tháng 4 năm 2023 giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Chị Kim Thị Bé H1, sinh năm 1995

Địa chỉ: Khóm 5, phường 9, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh(Có đơn xin xét xử vắng mặt)

*2. Bị đơn*: Anh Thạch Minh C1, sinh năm 1997

Địa chỉ: Khóm 5, phường 9, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh. (Vắng mặt không lý do)

*Con chung của chị H1 và anh C1 có:* Thạch Thị Kim V1, sinh ngày 22/7/2018. Địa chỉ: Khóm 5, phường 9, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện ngày 19 tháng 8 năm 2022, trong quá trình giải quyết vụ án chị Kim Thị Bé H1 trình bày:*

Chị và anh Thạch Minh C1 quen biết và đi đến hôn nhân, được gia đình 02 bên chấp thuận nên chúng tôi có tự nguyện tổ chức đám cưới vào năm 2017 và có đăng ký kết hôn tại UBND phường 9, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh vào ngày 30/7/2018.

Sau khi cưới nhau anh chị sống hạnh phúc được vài năm thì phát sinh mâu thuẫn, bất đồng ý kiến, không hợp nhau, Nguyên nhân là do anh C1 không chí thú làm ăn, không chăm lo xây dựng hạnh phúc gia đình nên cuộc sống vợ chồng mất dần hạnh phúc. Anh chị đã nhiều lần hàn gắn trong cuộc sống để cùng nhau chăm lo cho tương lai, xây dựng hạnh phúc gia đình nhưng không có kết quả. Xét thấy mục đích hôn nhân không đạt được nên chị H1 yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Thạch Minh C1.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Thạch Thị Kim V1, sinh ngày 22/7/2018 hiện đang sống chung với chị H1 và chị H1 yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Thạch Thị Kim V1 mà không yêu cầu anh Minh C1 phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị Kim Thị Bé H1 khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Kim Thị Bé H1 đã cung cấp cho Tòa án các tài liệu, chứng cứ như sau: 01 căn cước công dân (bản sao chứng thực); 01 giấy khai sinh (photo) ; 01 giấy chứng nhận kết hôn (bản chính).

Đối với bị đơn anh Thạch Minh C1: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thực hiện việc tống đạt thông báo thụ lý, các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử hợp lệ cho anh Thạch Minh C1 nhưng anh C1 không đến Tòa án tham gia tố tụng và Tòa án không thể tiến hành lấy lời khai anh C1 được, anh C1 cũng không có ý kiến gì đối với yêu cầu của nguyên đơn theo thông báo mà Tòa án đã tống đạt nên không thể xác định những tình tiết nào của vụ án các bên thống nhất và không thống nhất. Vì vậy, Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để xét xử vụ án.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng nhiệm vụ, quyền hạn và tuân thủ đúng trình tự, thủ tục giải quyết vụ án dân sự theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các Điều 70, 71, 72 của Bộ luật tố tụng dân

sự; riêng bị đơn không chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Sau khi tóm tắt nội dung vụ án Vị đề nghị: Về hôn nhân: Cho chị Kim Thị Bé H1 ly hôn với anh Thạch Minh C1.Về con chung: Chị Kim Thị Bé H1 được tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Thạch Thị Kim V1, sinh ngày 22/7/2018. Anh C1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị H1 không yêu cầu. Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không xem xét.

Về án phí: Nguyên đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Nguyên đơn chị Kim Thị Bé H1 có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt chị. Riêng bị đơn anh Thạch Minh C1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] *Về hôn nhân:* Chị Kim Thị Bé H1 và anh Thạch Minh C1 xác lập quan hệ hôn nhân trên cơ sở tự nguyện và có Giấy chứng nhận kết hôn của cơ quan có thẩm quyền cấp nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị H1 là có cơ sở, vì hiện tại chị H1 và anh C1 đã sống ly thân nhau. Phía Tòa án đã hai lần gửi thông báo hòa giải đến anh Thạch Minh C1 để có sự tác động hàn gắn tình cảm cho chị H1 và anh C1 nhưng anh Thạch Minh C1 không có sự hợp tác. Cả chị H1, anh C1 không ai có thiện chí cải thiện hàn gắn tình cảm vợ chồng của anh chị và thực hiện quyền và nghĩa vụ lẫn nhau nên xét điều kiện để Kim Thị Bé H1 và anh Thạch Minh C1 đoàn tụ là không có.

Từ những phân tích trên thấy giữa chị Kim Thị Bé H1 và anh Thạch Minh C1 tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Kim Thị Bé H1.

[3] *Về con chung:* Nguyên đơn khai có 01 con chung tên Thạch Thị Kim V1, sinh ngày 22/7/2018 . Xét thấy, hiện con chung có cuộc sống ổn định cùng với nguyên đơn. Do đó, Hội đồng xét xử giao con chung tên Thạch Thị Kim V1, sinh ngày 22/7/2018 cho nguyên đơn trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Dành quyền cho bị đơn được chăm sóc, nuôi dưỡng, thăm nom con chung mà không ai được cản trở nguyên đơn thực hiện quyền này.

[4]. *Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con*: Nguyên đơn không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] *Về tài sản chung và nợ chung*: Do Tòa án không làm việc được với anh C1 nên không xác định được vợ chồng chị H1, anh C1 có tài sản chung, nợ chung gì không. Trường hợp anh C1 có tranh chấp với chị H1 về tài sản chung, nợ chung thì anh C1 có quyền khởi kiện bằng một vụ án khác sau khi ly hôn.

[5] *Về án phí*: Nguyên đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

[6] Xét thấy ý kiến của vị đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa hôm nay là có căn cứ theo quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 3 Điều 228, 273, 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 51,56, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

**Tuyên xử:**

*1. Về hôn nhân:* Cho ly hôn giữa chị Kim Thị Bé H1 với anh Thạch Minh C1.

*2. Về nuôi con chung*: Giao con chung Thạch Thị Kim V1, sinh ngày 22/7/2018 cho chị Kim Thị Bé H1 trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Thạch Minh C1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị Kim Thị Bé H1 không có yêu cầu.

*Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.*

*Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.*

*Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.*

*3. Về tài sản chung và nợ chung:* Chị Kim Thị Bé H1 khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Nếu anh C1 có tranh chấp với chị

H1 về tài sản chung, nợ chung thì anh C1 có quyền khởi kiện bằng một vụ án dân sự khác sau khi ly hôn.

*4. Về án phí:* Chị Kim Thị Bé H1 phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0013260 ngày 03 tháng 11 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Trà Vinh.

*5.* Án sơ thẩm xét xử công khai, báo cho đương sự có mặt tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết công khai hợp pháp.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND thành phố Trà Vinh;
- Chi cục THADS thành phố Trà Vinh;
- Các đương sự;
- UBND phường 9;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

**Lâm Thị Kiều Trang**